TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-3-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Ông Tăng Phước Long

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 466, ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Võ Chí T, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 466, ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà N có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T chung sống vợ chồng vào năm 1980, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh (nay là xã Tân Nhuận Đông), tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gia đình nguyên nhân do ông T nhậu nhẹt, thường xuyên chửi, đánh bà N cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Kể từ đó bà N bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, thỉnh thoảng mới về thăm nhà nhưng ông T vẫn không sửa đổi tính tình nên từ tháng 8/2025 bà N không về thăm gia đình.

Nay bà N nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm đối với ông T không còn nên bà N yêu cầu ly hôn ông T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ N Thảo, sinh ngày 19/12/1981 và Võ N Hiếu, sinh năm 1984, hiện 02 con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Quyền sử dụng đất thửa 46, tờ bản đồ 63, diện tích 166m^2 (đất ONT) và tài sản gắn liền với đất căn nhà cấp 4 trị giá khoảng 60.000.000 đồng cấp cho hộ Võ Chí T đứng tên. Khi ly hôn bà N yêu cầu chia 50% giá trị tài sản chung (gồm diện tích đất 83m^2 và nhà 30.000.000 đồng). Bà N yêu cầu nhận giá trị bằng tiền.

Tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì tại đơn thay đổi yêu cầu ngày 05/02/2026 bà N rút lại một phần yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, để bà N với ông T tự thỏa thuận với nhau.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Võ Chí T: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn

vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có lý do, là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Cho bà N và ông T ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ N Thảo, sinh ngày 19/12/1981 và Võ N Hiếu, sinh năm 1984, hiện 02 con đã trưởng thành, có gia đình riêng không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về chia tài sản chung: Đương sự rút lại không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Võ Chí T; Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc Hội.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Chí T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T chung sống vợ chồng vào năm 1980, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2002 tại Ủy ban nhân

dân xã An Khánh (nay là xã Tân Nhuận Đông), tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà N với ông T, theo bà N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T nhậu nhẹt, thường xuyên chửi, đánh bà N cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2021, bà N bỏ nhà đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu thỉnh thoảng bà N về thăm nhà nhưng ông T vẫn không sửa đổi tính tình cũng hay chửi bà N nên từ tháng 7/2025 bà N không về nhà và vợ chồng không còn chung sống. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn ông T.

Qua Tòa án xác minh thu thập chứng cứ đối với người làm chứng là chị Võ N Thảo (là con ruột của ông T, bà N) trình bày ông T biết việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T và những lần Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T thì ông đều biết nhưng ông không đồng ý đến Tòa để giải quyết.

Đồng thời, về phía ông T quá trình giải quyết vụ án, ông T mặc dù biết bà N yêu cầu ly hôn nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có T chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với bà N, cho thấy ông T đã từ bỏ quyền lợi của mình, ông T không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà N.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa bà N với ông T đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N, ông T đã thực sự trầm trọng. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ N Thảo, sinh ngày 19/12/1981 và Võ N Hiếu, sinh năm 1984, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết, do đương sự không yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thống nhất đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) cho bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Chí T ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ N Thảo, sinh ngày 19/12/1981 và Võ N Hiếu, sinh năm 1984, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) cho bà N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8;
- Cục THADS Tỉnh;
- UBND xã An Khánh (nay là xã Tân Nhuận Đông) (GCNKH số 696 ngày 09/12/2002);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kiều